

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**

Bản án số: 60/2026/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 7 năm 2026

*“V/v ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Tuyên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Lỗi và bà Lưu Thị Sâm.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Dung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2026 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1990, vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.
- Bị đơn: Ông Đặng Quang V, sinh năm 1987, vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số B, Thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2026 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bà và ông Đặng Quang V sau một thời gian tìm hiểu đã tiến hành tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau từ năm 2011, đến ngày 06/01/2012 mới đến UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) để đăng ký kết hôn. Vợ chồng bà sống thuận hòa hạnh phúc với nhau đến thời gian gần đây thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không khắc phục được.

Nay bà xét thấy không còn tình cảm với ông V nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn ông Đặng Quang V.

- Về con chung: Quá trình chung sống, bà và ông V có 02 con chung là Đặng Bảo T, sinh ngày 16/12/2011 và Đặng Bảo N, sinh ngày 06/10/2017. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Đặng Quang V trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị D sau một thời gian tìm hiểu đã tiến hành tổ chức lễ cưới và về chung sống với nhau từ năm 2011, đến ngày 06/01/2012 ông bà mới đến UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk) để đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường hay xảy ra cãi vã, tuy nhiên đó chỉ là mâu thuẫn nhỏ không đáng kể.

Nay bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn tình cảm với bà D và ông muốn các con được sống có đầy đủ cả bố và mẹ.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Đặng Bảo T, sinh ngày 16/12/2011 và Đặng Bảo N, sinh ngày 06/10/2017. Nếu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn, ông đồng ý giao 02 con chung cho bà D nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện VKSND khu vực 5 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Bị đơn cư trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk nên Tòa án nhân dân khu vực 5 – Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử trong thời hạn luật định, đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về tư cách tham gia tố tụng: Xác định nguyên đơn, bị đơn là đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thu thập chứng cứ Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Việc tuân thủ pháp luật tố tụng của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa nguyên đơn và bị đơn.

- Về con chung: Các đương sự có 02 con chung là Đặng Bảo T, sinh ngày 16/12/2011 và Đặng Bảo N, sinh ngày 06/10/2017. Khi ly hôn, bà D có nguyện vọng nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung, bị đơn ông V đồng ý yêu cầu của bà D, đề nghị Tòa chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà D không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận.

Về tài sản và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Nguyên đơn chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn ông Đặng Quang V. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Nguyễn Thị D và ông Đặng Quang V tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 06/01/2012 tại UBND xã E, huyện K (cũ), tỉnh Đắk Lắk, là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn bà D, ông V chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, thường xảy ra cãi vã. Quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Đặng Quang V xác định ông và bà có mâu thuẫn xích mích do không hợp nhau nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ, bà D xin ly hôn thì ông không đồng ý vì vẫn còn tình cảm với bà D. Kết quả xác minh tại Ban tự quản thôn T: Ban tự quản không biết được giữa ông V bà D có mâu thuẫn cụ thể như thế nào vì các đương sự

không thông báo với chính quyền địa phương để hòa giải. Nay bà D xin ly hôn ông V, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy giữa các đương sự đã xảy ra mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, tình trạng mâu thuẫn giữa các đương sự là trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, cho ly hôn giữa bà D và ông V là phù hợp pháp luật.

[3.2] Về con chung: Bà D và ông V có 02 con chung là Đặng Bảo T, sinh ngày 16/12/2011 và Đặng Bảo N, sinh ngày 06/10/2017. Khi ly hôn, bà D có nguyện vọng nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung cho đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông V phải cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn ông V có ý kiến đồng ý giao hai con chung cho bà D nuôi dưỡng, cả hai con chung đều có nguyện vọng được ở với bà D. Để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà D, giao cả hai con chung cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Bà D không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập giải quyết.

Sau khi ly hôn, ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

[3.3] Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; các Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D.

1/ Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị D và ông Đặng Quang V.

2/ Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung: Đặng Bảo T, sinh ngày 16/12/2011 và Đặng Bảo N, sinh ngày 06/10/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con, có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại biên lai số 0004224 ngày 16/4/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 - Đắk Lắk.

Các đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đình Tuyên